

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v “*Tranh chấp về hoạt động
cung ứng dịch vụ thanh toán*”

Vào ngày 10/11/2019, ông Phạm B ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của ông B, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn tại thời điểm mở thẻ là 2.05%/01 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và sẽ điều chỉnh theo quy định của từng thời kỳ được niêm yết trên trang điện tử của ngân hàng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông B đã thực hiện 03 lần giao dịch với số tiền 41.923.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông B đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 6.200.000 đồng. Qua nhiều lần Ngân hàng làm việc, nhắc nhở nhưng ông B vẫn không có thiện chí trả số nợ còn lại. ông B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên đến ngày 22/6/2020 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Đến ngày 24/3/2022, ông Phạm B còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 43.133.445 đồng, tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 22/7/2020 đến ngày 24/3/2022 với mức lãi suất 150% mức lãi suất trong hạn là 28.251.468 đồng, tổng cộng gốc là lãi 71.384.913 đồng. Tại phiên tòa ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm B thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi như trên, lãi suất tiếp tục phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng.

- Bị đơn ông Phạm B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên ông vẫn vắng mặt, không có ý kiến phản hồi.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại khoản 5 Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại các phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy

định của pháp luật tổ tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chấp hành quy định pháp luật tổ tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 280 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Phạm B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc là 43.133.445 đồng và lãi tính đến ngày 24/3/2022 là 28.251.468 đồng, tổng cộng gốc là lãi là 71.384.913 đồng, tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sở thẩm cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/11/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*” là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Ông Phạm B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vắng bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/11/2019, lịch sử thanh toán, lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định ông Phạm B có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP S, ông B đã thực hiện giao dịch 03 lần với số tiền 41.923.000 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn tại thời điểm mở thẻ là 2.05%/01 tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và điều chỉnh theo quy định của từng thời kỳ được niêm yết trên trang điện tử của ngân hàng. Từ khi mở thẻ cho đến nay, ông Phạm B đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền 6.200.000 đồng. Ông Phạm B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo định kỳ từ ngày

22/3/2020, đến ngày 22/6/2020 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, toàn bộ khoản nợ chuyển sang quá hạn.

[2.2]. Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ nêu trên, thấy rằng việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên được điều chỉnh theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt.

[2.3]. Ông Phạm B đã thực hiện giao dịch rút tiền trong thẻ tín dụng tuy nhiên lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn là đã vi phạm Điều 2 và Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, do đó Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông B và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn là có cơ sở theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm B phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc là 43.133.445 đồng, tiền lãi quá hạn là 28.251.468 đồng đồng, tổng cộng gốc là lãi là 71.384.913 đồng, lãi suất tiếp tục phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm trên số dư nợ gốc cho đến khi ông Phạm B thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/11/2019 là có căn cứ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự có giá ngạch trên số tiền phải trả là $(71.384.913 \times 5\%) = 3.569.245$ đồng, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa

được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Điều 280 Bộ luật Dân sự;
- Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán*” của Ngân hàng TMCP S đối với ông Phạm B.

1. Buộc ông Phạm B phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 71.384.913 đồng (Bảy mươi một triệu, ba trăm tám mươi tư nghìn, chín trăm mười ba đồng). Trong đó:

Tiền gốc là 43.133.445 đồng;

Tiền lãi là 28.251.468 đồng (tính đến ngày 24/3/2022).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/11/2019. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm B phải chịu 3.569.245 đồng (Ba triệu, năm trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng).

Ngân hàng TMCP S không chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.388.000đ (Một triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn đồng) Ngân hàng TMCP S đã nộp theo biên lai thu số: 0003022 ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận S;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng